

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VÀ LẠM DỤNG RƯỢU/BIA CỦA NGƯỜI DÂN HUYỆN THANH OAI, HÀ NỘI VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

KIM BẢO GIANG, HOÀNG VĂN MINH

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Lạm dụng rượu bia gây ra nhiều vấn đề sức khỏe. Sử dụng rượu bia ở Việt Nam có nguy cơ gia tăng trong những năm gần đây. **Mục tiêu:** 1) Mô tả tình hình sử dụng và lạm dụng rượu bia người dân huyện Thanh Oai, Hà Nội; 2) Phân tích mối liên quan lạm dụng rượu bia với một số yếu tố dân số, kinh tế, xã hội. **Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang, phỏng vấn 1564 người từ 16-60 tuổi được chọn ngẫu nhiên từ 21

xã thuộc huyện Thanh Oai, Hà Nội. **Kết quả:** Tỷ lệ sử dụng rượu/bia trong 12 là 49,6% (79,8% ở nam và 17,4% ở nữ). Tỷ lệ sử dụng rượu/bia cao nhất ở nhóm tuổi 26-45 (55,5%), nhóm thợ và công nhân (61,2%). Tỷ lệ sử dụng rượu/bia từ 4 lần trở lên/ 1 tuần là 22,7%. Tỷ lệ uống từ 5 cốc chuẩn trở lên trong một lần chung cho cả hai giới là 6,5%, ở nam là 8,1%. Trong số đối tượng lạm dụng rượu/bia có 88,6% cần can thiệp bằng giáo

dục; 7,1% cần được tư vấn và theo dõi; 4,3% cần được giới thiệu đến cơ sở điều trị nghiện rượu/bia. Nam giới thuộc nhóm tuổi 26-45 và nhóm tuổi 46-60 có nguy cơ lạm dụng rượu/bia cao hơn so với nhóm tuổi 18-24 lần lượt là 2,1 và 2,6 lần. Nhóm thợ, công nhân có nguy cơ lạm dụng rượu bia cao hơn nhóm nông dân 2 lần. **Kết luận:** Cần tập trung ưu tiên can thiệp nhóm nam độ tuổi từ 18-45 và nhóm thợ, công nhân. Cần tích cực triển khai chính sách hạn chế cung cấp rượu/bia và tăng cường truyền thông về tác hại của rượu/bia.

Từ khóa: Sử dụng rượu/bia, lạm dụng rượu/bia, yếu tố kinh tế, văn hóa và xã hội.

SUMMARY

Introduction: Alcohol abuse has been caused several health problems. In recent years, alcohol consumption in Vietnam has a tendency to be increased. **Objectives:** 1) Describe alcohol use and abuse among people in Thanh Oai district, Ha Noi; 2) Analyze relationship between alcohol abuse with some demographic and socio-economic factors. **Methods:** A cross-sectional study, interviewed 1564 persons aged 16-60 years who were randomly selected from 21 communes in Thanh Oai district, Ha Noi. **Results:** Prevalence of alcohol use during 12-month period was 49.6% (79.8% among men and 17.4% among women). Alcohol use prevalence was highest among age group 26-45 years (55.5%), among workers (61.2%). Proportion of those who used alcohol at least 4 time per week was 22.7%. Proportion of those who often drank at least 5 standard drinks in one setting in overall was 6.5%, among men was 8.1%. Among those who were alcohol abuser, 88.6% should get behavioral advice; 7.1% should both get behavioral advice and be followed up; 4.3% should be referred to get treatment of alcohol dependence. Men in age groups 26-45 years and 46-60 years were 2.1 and 2.6 times more likely to be alcohol abuser than those in age group 18-24, respectively. Workers were 2 times more likely to be alcohol abuser than farmers. **Conclusion:** Intervention programs should prioritize men in age group 18-45 years and male workers. Policies on reduction of alcohol supply and communication programs on harms of alcohol use should be actively implemented and strengthened.

Keywords: Alcohol use, alcohol abuse, socio economic factors.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo ước tính của tổ chức y tế thế giới (TCYTGG), khoảng 1/3 dân số thế giới có sử dụng rượu/bia và khoảng 77 triệu người lạm dụng rượu/bia [1]. Nghiện rượu/bia xếp hàng thứ 5 trong số 10 nguy cơ hàng đầu với sức khỏe. Lạm dụng rượu/bia chiếm 4% gánh nặng bệnh tật toàn cầu, chỉ sau sử dụng thuốc lá (4,1%) và tăng huyết áp (4,4%). Ngoài ra, lạm dụng rượu/bia làm con người không làm chủ được hành vi của mình, đó là nguyên nhân các vấn đề xã hội như bạo lực, tai nạn giao thông, tự tử, vv. Chi phí do rượu/bia gây ra gánh nặng đáng kể cho các nước đặc biệt là các nước đang phát triển. Theo nghiên cứu tại Pháp, Mỹ, Ca na đa chi phí do rượu/bia chiếm từ 2%-8% tổng thu nhập quốc nội [1].

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, tình hình sử dụng rượu, bia ở Việt Nam trở lên phổ biến hơn, với lượng rượu, bia tiêu thụ tăng lên. Chính phủ bắt đầu quan tâm đến xây dựng chính sách phòng chống lạm dụng rượu bia [2]. Vì vậy những bằng chứng khoa học về thực trạng sử dụng và lạm dụng rượu bia là rất cần thiết cho công tác hoạch định chính sách. Nghiên cứu này nhằm mục tiêu: Mô tả tình hình sử dụng và lạm dụng rượu bia người dân huyện Thanh Oai, Hà Nội; Phân tích mối liên quan lạm dụng rượu bia với một số yếu tố dân số, kinh tế, xã hội.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu:

Người dân từ 16 đến 60 tuổi sinh sống tại huyện Thanh Oai từ tháng 12/2008 đến tháng 1/2009.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu, kỹ thuật chọn mẫu: Cỡ mẫu được tính theo công thức cỡ mẫu cho việc ước tính một tỷ lệ trong quần thể. Công thức tính cỡ mẫu:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{(p \cdot \epsilon)^2}$$

Trong đó: n: Là cỡ mẫu tối thiểu; $Z^2_{1-\alpha/2}$ là hệ số tới hạn tin cậy, với $\alpha = 0,05$ chỉ số này là 1,96²; P: là tỉ lệ người lạm dụng rượu = 0,2 từ các nghiên cứu trước [3]; ϵ : Mức độ chính xác mong muốn (chọn $\epsilon = 0,2$). Sử dụng kỹ thuật chọn mẫu nhiều giai đoạn có yếu tố chùm và tăng cỡ mẫu để đảm bảo phân tích theo giới và nhóm tuổi, khắc phục những trường hợp không trả lời nên cỡ mẫu là $n = 384 \cdot 4 + 384 \cdot 4 \cdot 5\% = 1612$. Cỡ mẫu được tăng lên để phỏng vấn chúng tôi đã chọn cỡ mẫu là 1612. Kết quả cuối cùng có 1564 đối tượng trả lời phỏng vấn. Mẫu được phân bố cho 21 xã của toàn huyện Thanh Oai theo kỹ thuật chọn mẫu PPS. Trong mỗi xã, chọn ngẫu nhiên hộ gia đình theo kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên đơn. Tại mỗi hộ gia đình, chọn ngẫu nhiên một người sử dụng bảng số ngẫu nhiên Kish.

Công cụ và quá trình thu thập thông tin: Sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn cá nhân từ bộ câu hỏi, kèm tranh rượu/bia. Bộ câu hỏi được phát triển với những nội dung nhằm phục vụ mục tiêu nghiên cứu, có một phần là bộ câu hỏi AUDIT để thu thập thông tin xác định tình trạng lạm dụng rượu bia. Điều tra viên là 21 trạm trưởng trạm y tế được tập huấn kỹ và có giám sát của nghiên cứu viên từ Đại học Y Hà Nội

Định nghĩa và khái niệm sử dụng trong nghiên cứu

Cốc chuẩn (đơn vị rượu, bia) là đơn vị rượu, bia có chứa 12,6 g ethanol nguyên chất. Như vậy, một cốc chuẩn tương đương với 1 lon bia 330ml có nồng độ cồn 5% hay một cốc rượu vang 140 ml có nồng độ cồn chứa 12% hay 1 chén rượu nhỏ 40 ml có nồng độ 40%.

Sử dụng rượu/bia là có uống rượu/bia hoặc đồ uống có cồn từ 2% trở lên trong vòng 12 tháng qua.

Lạm dụng rượu/bia: Được tính từ kết quả trả lời phỏng vấn phần các câu hỏi AUDIT. Lạm dụng rượu/bia có nghĩa là có điểm AUDIT ≥ 8 điểm [4].

Tiếp cận truyền thông: nghĩa là những người đã từng tiếp xúc (nghe, xem hoặc nhìn thấy) những thông

tin về tác động của rượu/bia đối với sức khỏe từ một hoặc nhiều nguồn khác nhau.

Biến số nghiên cứu: Nhóm biến số về đặc trưng cá nhân (Tuổi, giới., nghề nghiệp., trình độ học vấn, thu nhập trong vòng 1 tháng); Nhóm biến số về sử dụng rượu/bia trong 12 tháng, điểm AUDIT để xác định tình trạng lạm dụng rượu/bia.

Phương pháp phân tích và xử lý số liệu: Số liệu sau khi được thu nhập được làm sạch và nhập vào máy tính bằng phần mềm Epidata 3.1. Phần mềm thống kê Stata 10 được sử dụng trong phân tích số liệu. Phân tích hồi quy logistic được thực hiện để xác định mối liên quan của lạm dụng rượu/bia với một số yếu tố.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu này đã được hội đồng khoa học trường Đại học Y Hà Nội xét duyệt là đề tài cấp cơ sở. Các đối tượng được tham gia nghiên cứu được thông báo rõ về mục tiêu và nội dung nghiên cứu cũng như cách thức thực hiện. Sự tham gia của các đối tượng vào nghiên cứu là hoàn toàn tự nguyện.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Một số đặc điểm dân số, kinh tế và văn hóa xã hội của đối tượng.

Tỉ lệ nam nữ trong mẫu nghiên cứu phân bố khá đều. Đối tượng nghiên cứu phân bố tập trung ở nhóm tuổi (26-45) chiếm tỉ lệ 47,5%. Nông dân tham gia số lượng lớn có tỉ lệ 44,6%. Đa số trả lời phỏng vấn có trình độ Trung học cơ sở (46,3%). Tỉ lệ mù chữ chỉ chiếm 1%. Tỉ lệ đối tượng có thu nhập trung bình là 85,4%.

Bảng 1. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo các đặc trưng cá nhân

Biến số		N	%
Giới	Nam	771	49,3
	Nữ	793	50,7
Tuổi	16-25	387	24,7
	26-45	743	47,5
	46-60	434	27,7
Nghề nghiệp	Nông dân	697	44,6
	Cán bộ	94	6,01
	Buôn bán	176	11,3
	Thợ, công nhân	312	19,3
	Học sinh	160	10,2
	Khác	125	8,0
Học vấn	Mù chữ	14	1,0
	Tiểu học	412	26,0
	Trung học cơ sở	724	46,3
	Trung học phổ thông trở lên	414	26,5
Kinh Tế	Dưới 300.000đ/tháng	160	10,2
	Từ 300.000đ đến 4 triệu đ/tháng	1335	85,4
	Trên 4 triệu đ/tháng	69	4,4
Chung		1564	100,0

Tình hình sử dụng và lạm dụng rượu, bia.

Sử dụng rượu/bia trong 12 tháng

Tỉ lệ sử dụng rượu/bia trong 12 tháng qua chiếm 49,6% đối tượng phỏng vấn. ở nhóm nam, tỉ lệ có sử dụng rượu/bia là 79,8% còn ở nữ giới là 17,4%. Nhóm tuổi (26-45) có tỷ lệ sử dụng rượu/bia cao nhất (55,5%). Nhóm tuổi (16-25) có tỉ lệ sử dụng thấp nhất

(35,4%). ở nhóm nam đặc biệt nhóm tuổi (26-45) có tỉ lệ sử dụng rượu/bia cao nhất (91,8%). Trong các nhóm ngành nghề, nhóm thợ và công nhân có tỉ lệ sử dụng rượu/bia cao nhất (61,2%). Nam giới ở các nhóm học vấn và kinh tế cao hơn có tỉ lệ sử dụng rượu/bia cao hơn nhóm học vấn thấp và nhóm nghèo (Bảng 2).

Bảng 2. Tỉ lệ người dân đã sử dụng rượu/bia trong 12 tháng qua phân bố theo các đặc trưng cá nhân

Các biến số	Nam		Nữ		Tổng		
	n	%	n	%	N	%	
Nhóm tuổi	16-25	114	60,0	23	11,7	137	35,4
	26-45	334	91,8	78	20,6	412	55,5
	46-60	186	82,9	41	18,4	227	52,3
Nghề nghiệp	Nông dân	271	87,1	62	16,1	333	47,8
	Cán bộ	42	89,4	11	23,4	53	56,4
	Buôn bán	57	90,5	32	28,3	89	50,6
	Thợ, công nhân	174	89,0	17	14,5	191	61,2
	Học sinh	30	38,0	6	7,4	36	22,5
	Khác	60	85,7	14	25,5	74	59,2
Học vấn	Mù chữ	4	66,7	0	0%	4	28,6
	Tiểu học	156	89,1	47	19,9	203	49,3
	PTCS	261	77,5	63	16,3	324	44,8
	Từ THPT trở lên	213	86,2	32	19,2	245	59,2
Kinh tế	Dưới 300.000đ/tháng	36	54,6	15	16,0	51	31,9
	Từ 300.000đ đến 4 triệu đ/tháng	567	85,9	122	18,0	689	51,6
	Trên 4 triệu đ/tháng	31	79,5	5	16,7	36	53,2
Chung	634	79,8	142	17,4	776	49,6	

Tần suất và mức độ sử dụng rượu/bia.

Bảng 3. Tần suất và mức độ sử dụng rượu/bia theo giới

Tần suất	Nam	%	Nữ	%	Chung	%
Trên 1 tháng/ 1 lần	159	25,1	128	90,2	287	37,0
2-4 lần/1 tháng	171	26,9	9	6,3	180	23,2
2-3 lần/tuần	133	20,9	0	0	133	17,1
Từ 4 lần trở lên/tuần	171	27,1	5	3,5	176	22,7
Mức độ						
1-2 cốc	424	68,6	133	97,8	579	74,6
3-4 cốc	144	23,3	3	2,2	147	18,9
5-6 cốc	39	6,3	0	0	39	5,0
> 6 cốc	11	1,8	0	0	11	1,5
Tổng số	634	100,0	142	100,0	776	100,0

Trong số những người có sử dụng rượu/bia, tỉ lệ sử dụng rượu/bia thường xuyên từ 4 lần trở lên/ 1 tuần là 22,7%. ở nhóm nam có sử dụng rượu/bia, tỉ lệ nam uống rượu/bia một tuần từ 4 lần trở lên là khá cao (27%). Nữ có sử dụng rượu/bia, chủ yếu chỉ uống trên 1 tháng 1 lần và mỗi lần chủ yếu uống từ 1-2 cốc (97,8%). Tỷ lệ uống trung bình 1-2 cốc/ một lần uống chiếm đa số (74,6%). Tỉ lệ uống nhiều từ 5 cốc chuẩn trở lên trong một lần uống chung cho cả hai giới là 6,5%, ở nam là 8,1% (Bảng 3).

Lạm dụng rượu/bia.

Bảng 4. Tần số, tỷ lệ và tỷ suất chênh hiệu chỉnh theo phân tích hồi quy logistics về lạm dụng rượu/bia

ở nam giới phân bố theo đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội.

	Biên số	n	%	OR	CI 95%
Tuổi	16-25	23	20,1	1	
	26-45*	97	29,0	2,1	1,1-3,8
	46-60*	64	34,4	2,6	1,4-5,0
Nghề nghiệp	Nông dân	65	24,0	1	
	Cán bộ	12	28,6	1,5	0,7-3,2
	Buôn bán	17	29,8	1,5	0,8-2,9
	Thợ, công nhân (*)	61	35,1	1,9	1,3-2,9
	Học sinh	6	20,0	0,5	0,2-1,5
	Khác*	23	38,3	1,8	1,1-3,3
Học vấn	Mù chữ	2	50,0	1	
	Tiểu học	43	27,6	0,7	0,1-4,3
	Trung học cơ sở	86	33,0	0,9	0,2-5,3
	Từ trung học phổ thông trở lên	53	24,9	0,7	0,1-3,9
Kinh Tế	Dưới 300.000đ/tháng	12	33,3	1	
	Từ 300.000đ đến 4 triệu đ/ tháng	165	29,1	0,8	0,4-1,7
	Trên 4 triệu đ/tháng	7	22,6	0,6	0,2-1,8

* Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê

Theo tiêu chuẩn chẩn đoán được khuyến cáo khi sử dụng bộ câu hỏi AUDIT để đánh giá tình trạng lạm dụng rượu/bia, tỷ lệ lạm dụng rượu/bia ở huyện Thanh Oai là 11,7%. Trong đó tỷ lệ nam lạm dụng rượu/bia chiếm 29%. Nữ giới không có đối tượng nào lạm dụng rượu/bia. Trong số 184 đối tượng có lạm dụng rượu/bia có 88,6% (163 người) có điểm AUDIT ở vùng nguy cơ II tức là cần can thiệp bằng giáo dục; 7,1% (13 người) ở vùng nguy cơ III cần được tư vấn và theo dõi; 4,3% (8 người) ở vùng nguy cơ IV cần được giới thiệu đến cơ sở điều trị nghiện rượu/bia. Phân tích hồi quy logistics về tình trạng lạm dụng rượu/bia chỉ thực hiện được trên nhóm nam giới do nữ giới không có trường hợp nào được xác định có lạm dụng rượu/bia. Kết quả cho thấy nhóm tuổi 26-45 và nhóm tuổi 46-60 có nguy cơ lạm dụng rượu/bia cao hơn so với nhóm tuổi 18-24 lần lượt là 2,1 và 2,6 lần. Nhóm thợ, công nhân có nguy cơ lạm dụng rượu bia cao hơn nhóm nông dân 2 lần. Các nhóm nghề khác không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với nhóm nông dân. Học vấn và kinh tế không có liên quan có ý nghĩa thống kê đến tình trạng lạm dụng rượu ở nam giới (Bảng 4).

BÀN LUẬN

Theo kết quả điều tra 1.564 người dân từ độ tuổi 16-60 tại huyện Thanh Oai cho thấy tỷ lệ có sử dụng rượu/bia tại thời điểm điều tra là 49,6%, hơi cao hơn so với kết quả điều tra Y tế Quốc gia năm 2001- 2002 (45%) [5]. Tuy nhiên tình trạng sử dụng rượu/bia trong vòng 12 tháng chưa phản ánh được nguy cơ của sử dụng rượu/bia đối với sức khỏe do tỷ lệ bao gồm cả những người sử dụng rượu/bia nhiều và ít.

Sử dụng rượu/bia có sự khác biệt rất lớn giữa nam và nữ. Tỷ lệ sử dụng rượu/bia ở nam giới trong một năm là 81,7%, trong khi đó tỷ lệ này ở nữ là 11,6%. Tỷ lệ

này phù hợp với các nghiên cứu trước đây về sử dụng rượu/bia ở Việt Nam [3, 4, 6].

Kết quả của chúng tôi cho thấy, tỷ lệ nam giới uống rượu/bia tăng ở nhóm tuổi 26-45 (55,5%) và có xu hướng giảm đi ở độ tuổi 46-60 (52,3%). Phân bố này cũng phù hợp với kết quả của điều tra y tế quốc gia năm 2001-2002 [5] và nghiên cứu về tình hình sử dụng rượu bia ở huyện Ba Vì, Hà Tây năm 2004 [3].

Nghiên cứu cho thấy ở Thanh Oai, trong các nhóm nghề nghiệp, nhóm thợ, công nhân cũng có tỷ lệ sử dụng rượu/bia cao nhất (61,2%). Kết quả này cũng phù hợp với những quan sát thực tế là nhóm người này có nhiều cơ hội để uống rượu/bia hơn do điều kiện sinh hoạt và điều kiện công việc thường sống tập trung với nhiều nam giới. Đây là những nhóm ngành sản xuất do đó sử dụng rượu/bia nhiều có thể ảnh hưởng đến năng suất lao động, và đặc biệt các tai nạn lao động dễ xảy ra nếu những đối tượng này sử dụng rượu trong giờ lao động.

Tỷ lệ sử dụng rượu/bia ở nhóm học vấn PTTH cao nhất (59,2%), tiếp đến là nhóm trình độ từ PTCS trở lên (44,8%). Kết quả này cũng phù hợp với các kết quả của nghiên cứu trước và điều tra y tế quốc gia. Điều này có thể giải thích bởi thực tế là những người có trình độ học vấn có điều kiện về kinh tế và xã hội hơn, có cơ hội giao lưu, tiếp xúc nhiều hơn nên cơ hội sử dụng rượu/bia nhiều hơn. Xét về điều kiện kinh tế, những người có thu nhập cao hơn thuộc nhóm trung bình và nhóm giàu có tỷ lệ sử dụng rượu bia cao hơn nhóm thu nhập thấp nhất. Điều này phần nào thể hiện vai trò của kinh tế với việc tiêu thụ rượu/bia.

Nghiên cứu của chúng tôi sử dụng bộ câu hỏi AUDIT với điểm AUDIT ≥ 8 để chẩn đoán một người bị lạm dụng rượu/bia. Tỷ lệ lạm dụng rượu/bia ở nam giới trong nghiên cứu này là 29 %, tương tự như nghiên cứu cũng sử dụng bộ câu hỏi AUDIT tại Ba vì, Hà Tây (26%) [3]. Có sự khác biệt rõ về giới trong tỷ lệ lạm dụng rượu/bia. Do vậy các biện pháp can thiệp ở cộng đồng cần quan tâm và chú ý nhiều hơn đến đối tượng là nam giới. Mặc dù tỷ lệ lạm dụng rượu/bia ở nhóm tuổi 25-45 và 46-60 cao hơn 2 và 2,6 lần so với nhóm tuổi 18-24, tỷ lệ lạm dụng rượu/bia ở nhóm tuổi vị thành niên vẫn đáng chú ý (16,8%). Đối tượng thanh niên là đối tượng cần được quan tâm và định hướng tốt hơn của xã hội. Các hoạt động dự phòng, bên cạnh việc khuyến khích cai rượu/bia ở những người lớn tuổi cần tăng cường các biện pháp nhằm hạn chế tiêu thụ rượu và sử dụng rượu một cách có hại ở nhóm thanh thiếu niên. Nghiên cứu này cho thấy nhóm thợ, công nhân có khả năng lạm dụng rượu/bia cao gấp 1,9 lần so với nông dân (OR= 1,9, CI 95%= 1,3-2,9). Do đó trong các chương trình can thiệp cần tăng cường giáo dục và áp dụng các biện pháp thích hợp cho nhóm ngành này. Học vấn và kinh tế không có mối liên quan có ý nghĩa với lạm dụng rượu. Điều này cho thấy việc giáo dục nhận thức liên quan đến tác động của rượu bia với sức khỏe chưa được quan tâm hoặc chưa có hiệu quả ở các môi trường giáo dục các cấp.

KẾT LUẬN

Các can thiệp giảm sử dụng và lạm dụng rượu/bia nên tập trung vào các nhóm có nguy cơ đáng quan tâm và có nguy cơ cao như nam giới thuộc nhóm tuổi trẻ 18-24 tuổi, nhóm tuổi từ 45 trở lên và nam giới thuộc nhóm ngành như thợ và công nhân.

Vì tình hình sử dụng rượu/bia đang phổ biến rộng rãi ở mọi tầng lớp, cùng với các chính sách nhằm hạn chế cung cấp rượu/bia, các chương trình truyền thông, giáo dục hành vi cần được thực hiện tích cực và có hiệu quả hơn nhằm ngăn chặn sự gia tăng tình trạng lạm dụng rượu/bia ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Health Organization: Global Status Report on Alcohol 2004. 2004.

2. Ủy Ban các vấn đề xã hội -Quốc hội Việt Nam: Kỷ yếu Hội thảo chính sách phòng chống lạm dụng rượu bia. Hà Nội; 2003.

3. Kim Bao Giang, Peter Allebeck, Minh. HV, Fredrik Spak, Truong Viet Dzung: Alcohol use and alcohol related problems in rural Vietnam: an epidemiological survey using AUDIT. Substance Use and Misuse 2008, 43(3):481-495.

4. Kim Bao Giang, Fredrik Spak, Truong Viet Dzung, Peter Allebeck: The use of AUDIT to access level of alcohol problem in rural Vietnam. Alcohol & Alcoholism 2005, 40(6):578-578.

5. Bộ Y tế, Tổng cục thống kê: Điều tra Y tế quốc gia 2001-2002. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2003.

6. Viện chiến lược và Chính sách y tế: Đánh giá tình hình lạm dụng rượu bia tại Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học; 2006.